

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Bắc Giang, tháng 4 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Thời gian: Từ 9 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút ngày 21 tháng 4 năm 2023

Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung, Chương trình Đại hội	Thời gian (dự kiến)	Người phụ trách
1	Ôn định tổ chức	9h30-9h40	BTC
2	Chào cờ	9h40-9h45	Ô. Tuấn Anh
3	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	9h45-9h50	Ô. Tuấn Anh
4	Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết	9h50-9h55	BTC
5	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, cổ đông và giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội. Biểu quyết thông qua số lượng và nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội	9h55-10h00	BTC
6	Biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội	10h00-10h05	Ô. Thuyết
7	Trình bày báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2022, Phương hướng nhiệm vụ năm 2023	10h05-10h15	Ô.Long
8	Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022, Phương hướng nhiệm vụ năm 2023	10h15-10h25	Ô.Khoa
9	Trình bày Báo cáo về tình hình hoạt động của BKS năm 2022, Phương hướng, nhiệm vụ của BKS năm 2023	10h25-10h35	Ô.Hào
10	Báo cáo kết quả kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2022, Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2023	10h35-10h40	Ô.Phương
11	Đại hội thảo luận	10h40-10h50	Đoàn Chủ tịch
12	Đại biểu Tổng công ty ĐSVN phát biểu ý kiến (nếu có)	10h50-11h00	
13	Lãnh đạo Công ty tiếp thu ý kiến chỉ đạo và đáp từ	11h00-11h10	Ô. Khoa
14	Biểu quyết thông qua các báo cáo của Ban GD, HĐQT, BKS; Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội	11h10-11h15	Ô. Khoa
15	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	11h15-11h25	Đoàn Thư ký
16	Bế mạc Đại hội	11h25-11h30	BTC

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

DỰ THẢO

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng theo danh sách cổ đông lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty chốt ngày 06/3/2023 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.
- Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó và người uỷ quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (ghi mã cổ đông (nếu có) và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được uỷ quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

b. Cổ đông có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người nhận uỷ quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban thư ký Đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết/bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết/bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

5.1. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tọa và một số thành viên được bầu ra tại Đại hội.

5.2. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh

sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 06/3/2023; Phát các tài liệu; Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1 Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu bầu.
- b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
- c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
- d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty chốt ngày 06/3/2023.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

- 10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.
- 10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.

10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng

THẺ BIỂU QUYẾT theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT trong đó ghi: Mã Cổ đông (nếu có); Số cổ phần có quyền biểu quyết/bầu cử (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông.

11.1. **THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy màu đỏ, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội;
- b. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;
- c. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- d. Thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội;
- đ. Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- e. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022; Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023;
- f. Thông qua dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

Chương IV KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương, 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Hoàng Đăng Khoa

Số: /ĐSHL-KHKD

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, tôi xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và xin ý kiến của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

1. Thuận lợi:

Với sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN đã luôn sát sao, nắm bắt tình hình thực tế giải quyết kịp thời cơ chế, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể người lao động trong Công ty phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của người lao động luôn được quan tâm kịp thời.

Hệ thống quản trị và bộ máy quản lý được tổ chức hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy tối đa khả năng thực hiện công việc của mỗi cán bộ công nhân viên.

Công ty đã dần khẳng định được kinh nghiệm và hồ sơ năng lực, tạo được uy tín lòng tin với Chủ đầu tư, khách hàng đánh giá cao về tiến độ, chất lượng thi công công trình, đã tạo ra năng lực cạnh tranh tham gia các công trình lớn về lĩnh vực đường sắt, đường bộ và nhiều công trình trong các lĩnh vực khác.

2. Khó khăn:

Doanh thu trong hoạt động sản xuất công ích chiếm tỷ trọng và giá trị lớn trên tổng doanh thu hàng năm của Công ty đã ảnh hưởng rất lớn đến sự tăng trưởng doanh thu hàng năm, việc xác định sự tăng trưởng đối với sản phẩm này phụ thuộc chủ yếu vào sự cân đối, đặt hàng hàng năm của cấp có thẩm quyền.

Việc thay đổi cơ chế trong lĩnh vực quản lý, bảo trì KCHT đường sắt của các cấp cho ngành đường sắt, cũng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ sản xuất.

Do vẫn còn sự ảnh hưởng lớn của đại dịch Covid-19; cuộc chiến xảy ra giữa Nga - Ukraine khiến giá nhiều loại vật liệu xây dựng và nhiên liệu tăng mạnh, hậu quả của mưa, bão do biến đổi khí hậu khó lường, nên toàn ngành cũng như các đơn vị đều gặp rất nhiều khó khăn trong công tác sản xuất kinh doanh.

Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác quản lý an toàn chạy tàu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng lớn, đi qua 5 tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương và Quảng Ninh, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính hẹp, hầm, cầu chung...). Trạng thái cầu đường trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, kinh phí đầu tư cho BDTX chưa đáp ứng khắc phục được mức độ xuống cấp của cầu đường.

Trong năm 2022 do mưa lớn thường xuyên diễn ra và kéo dài từ ngày 09/5/2022 tại lý trình từ Km 100+500 đến Km154+800 tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng và tuyến đường sắt Mai Pha - Na Dương; tiếp theo bão lũ gây thiệt hại do cơn bão số 3 từ ngày 25/8/2022 tại lý trình từ Km80+193 đến Km127+200 tuyến đường sắt Kép - Hạ Long - Cái Lân và từ Km2+300 - Km2+700 tuyến đường sắt Chí Linh - Phả Lại làm nhiều điểm hư hỏng nặng, phải phong tỏa, cấm đường không cho tàu qua. Công ty đã tập trung huy động nhân lực, thiết bị, vật tư và tổ chức cứu chữa, khắc phục hậu quả thiệt hại kết cấu hạ tầng đường sắt để đảm bảo an toàn chạy tàu.

Mặc dù còn nhiều khó khăn như vậy nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể người lao động, cùng với sự chỉ đạo của Ban chấp hành Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty, sự điều hành của Ban giám đốc và các phòng trong Công ty, sự quan tâm của cấp trên và phối hợp chặt chẽ của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, Công ty đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ do cấp trên giao và hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD đề ra.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

1. Giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2021	Tỷ lệ % so với KH
1	Doanh Thu	197.318	193.031	202.289	102,52	104,80%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản xuất chính	138.196	146.214	148.921	107,76%	101,85%
	- Sản xuất kinh doanh khác	59.122	46.567	53.367	90,27%	114,60%

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	KH năm 2022 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2022		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2021	Tỷ lệ % so với KH
2	Chi phí	193.217	189.091	198.280	102,9%	104,86%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.101	4.940	4009	97,76%	101,75%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.145	3.150	3.175	100,95%	100,79%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	19,06%	19,09%	19,24%	100,96%	100,79%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	11,00%	11,00%	13,00%	100%	118%

2. Lao động, tiền lương và thu nhập:

Tổng quỹ lương và thu nhập thực hiện năm 2022 là: 84.016.930.000 đồng; mức thu nhập bình quân toàn công ty là: 9.806.000 đồng/người/tháng, tăng 8% so với năm 2021.

Thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao năm 2022 cụ thể như sau:

- Lao động thực tế sử dụng bình quân: 714 người (trong đó người quản lý chuyên trách: 8 người, người lao động: 706 người).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 77.589.134.000 đồng, mức tiền lương bình quân của người lao động là: 9.158.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách: 2.171.376.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước:

26.214.000 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 21.20.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách (kiêm nhiệm) là: 23.500.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 671.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền thưởng, phúc lợi thực hiện của người lao động: 830.149.808 đồng.

- Quỹ tiền thưởng thực hiện của người quản lý: 106.500.000 đồng.

3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

Danh mục đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thông qua năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
1	Mua sắm máy cắt ray	192	168,48	
2	Mua sắm máy khoan ray	189	168,48	
3	Hoán cải goòng chuyên dụng GM- 001	1.947	-	(chuyển từ năm 2002 sang năm 2023 tiếp tục thực hiện)

Theo kế hoạch ban đầu đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, gồm: 03 đầu mục tài sản với tổng mức đầu tư: 1.981 triệu đồng, Công ty đã đầu tư mới: 03 máy cắt ray với giá trị đầu đầu tư bằng 168,48 triệu và 03 máy khoan ray với giá trị đầu đầu tư bằng 168,48 triệu từ nguồn vốn chủ sở hữu để phục vụ sản xuất thi công khoan cắt ray đã cho thấy hiệu quả phát huy công năng và tính hữu dụng của tài sản. Riêng dự án đầu tư Hoán cải goòng kiểm tra chuyên dụng GM- 001 thành goòng cầu tự hành để phục vụ vận chuyển vận tư, vật liệu trên đường sắt khổ đường 1000 mm, Công ty đã có số 920/ĐSHL-NĐD ngày 26/12/2022 nâng mức đầu tư dự kiến là 1.947 triệu đồng do kế hoạch dự kiến tổng mức chi phí chưa trình phần tư vấn thiết kế, giám sát, dự phòng mặt khác do giá máy động cơ đầu kéo, cầu tự hành, vật tư, nhân công...thị trường tại thời điểm tăng giá và đã được HĐQT Tổng công ty ĐSVN chấp thuận có ý kiến chỉ đạo tại văn bản số 384/ĐS-KTKT ngày 22/02/2023, Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư dự án này trong năm 2023.

4. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 20221 với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Kiểm toán độc lập lập và phát hành ngày 23/02/2023 bao gồm: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Doanh thu	Bằng 102,52% so với 2021	Tăng 105,1% so với KH 2022	Vượt 4,8% KH ĐHĐCĐ giao
	Trong đó:			
	- Doanh thu sản phẩm công ích	Bằng 107,76% so với 2021	Đạt 101,85% so với KH 2022	Vượt 1,85% KH ĐHĐCĐ giao
	- Doanh thu sản phẩm khác	Bằng 90,27% so với 2021	Đạt 114,6% KH 2022	Vượt 14,6% KH
2	Lợi nhuận sau thuế	3.150 tr. đ	3.175 tr. Đ	Đạt 100,79% KH
3	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	Đạt 19,09%	Đạt 19,24%	Đạt 100,79% KH
4	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	Đạt 11,00%	Đạt 13,00%	Đạt 118% KH
2	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 8% so với TH năm 2021	Tăng 8% so với so với KH	(Đạt)
6	Tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng	Giữ vững	Giữ vững	(Đạt)
7	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	Giảm so với năm 2021	Giảm bình quân 5,38 điểm/km so với năm 2021	Giảm 0,86 điểm/1 km so với KH Tổng C.ty năm 2022 (Đạt)
8	Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng di chủ quan gây ra	Không	Không	(Đạt)
9	Tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không quá 02 vụ	Giảm 02 vụ so với năm 2021	(Đạt)

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công

ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2023.

Năm 2023 sẽ tiếp tục là năm phải chịu sự ảnh hưởng rất lớn về tình hình kinh tế chính trị trên thế giới và trong nước, đặc biệt đối với ngành đường sắt cũng như Công ty như vấn đề suy thoái kinh tế, lạm phát, biến động giá cả... sẽ là một năm với những khó khăn thách thức trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo định hướng đã đặt ra.

Khó khăn chung của nền kinh tế, việc cân đối nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế đã ảnh hưởng trực tiếp tới công tác bảo trì KCHTĐS và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp với nhiều loại khổ đường, trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, trong khi một số tuyến Công ty đang quản lý có mật độ chạy tàu thấp nên kinh phí đầu tư cho BDTX được cân đối còn chưa đủ để khắc phục được mức độ xuống cấp của trạng thái cầu, đường nên luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu.

Thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngay từ đầu năm Công ty đã phải huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn để mua vật tư phục vụ sản xuất và giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, tiền lương cho người lao động trong khi chưa ký được hợp đồng, chưa tạm ứng kinh phí đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS sắt quốc gia.

Trong điều kiện dịch bệnh covid còn đang diễn biến hết sức phức tạp, để thích ứng với tình hình mới, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể NLĐ, cùng với sự chỉ đạo của BCH

Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty, sự điều hành của Ban giám đốc, sự quan tâm của các cấp thẩm quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ do cấp trên giao và hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD năm 2023.

2. Phương hướng, giải pháp thực hiện:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm qua, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Hoạt động bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt được công ty xác định là hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong đó nhiệm vụ đảm bảo an toàn chạy tàu là cốt lõi. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng quản lý, BDTX KCHTĐS đã ký kết với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn chạy tàu, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài công ích: Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu theo kế hoạch, phấn đấu luôn hoàn thành tốt mọi hợp đồng, công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình để giữ vững và phát triển thương hiệu, tạo niềm tin cho đối tác khách hàng.

- Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị Chính qui - Văn hoá - An toàn và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp;

3. Chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Tổng giá trị doanh thu kế hoạch năm 2023 dự kiến là: 207,120 tỷ đồng, bằng 102,39% kế hoạch thực hiện năm 2022. Trong đó:

Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS): kế hoạch thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo

chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu dự kiến đạt: 163,495 tỷ đồng, tăng 9,79% so với thực hiện năm 2022.

Kế hoạch sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Năm 2023 ngoài thực hiện 05 công trình chuyển tiếp của năm 2022 sang, Công ty dự kiến sẽ tham gia 09 hợp đồng thi công xây dựng công trình, với tổng giá trị doanh thu: 43,625 tỷ đồng, bằng 81,75% so với thực hiện năm 2022.

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2023 dự kiến đạt 3,206 tỷ đồng, tăng 0,98% so với thực hiện năm 2022. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,43%; Tỷ lệ cổ tức /Vốn điều lệ đạt 13,0%.

- Thu nhập bình quân của NLD tăng trưởng từ 5% trở lên so với năm 2022;

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ % so với TH 2022
1	Doanh thu:	202.289	207.120	102,39%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản xuất chính	148.921	163.495	109,79%
	- Sản xuất ngoài sản xuất chính	53.367	43.625	81,75%
2	Chi phí:	198.280	203.072	102,42%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.009	4.048	100,97%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	3.175	3.206	100,98%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	19,24%	19,43%	100,98%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	13%	13%	100,00%

4. Kế hoạch đầu tư:

Phát huy tối đa năng suất các máy móc hiện có như: máy xiết bu lông, máy nâng mỗi gục, máy chèn đường thủy lực, máy mài ray. Đầu tư thêm các loại máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Năm 2023 Công ty dự kiến danh mục đầu tư cụ thể như sau:

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Hoán cải goòng vận tải Mr-001 thành goòng cầu tự hành (Thay động cơ và lắp đặt mới hệ thống cầu tự hành 5 tấn và đóng mới 01 toa xe goòng)	01 bộ	1.946,83	Tăng năng lực vận chuyển vật tư, phụ kiện trên tuyến ĐS (chuyển tiếp danh mục đầu tư từ năm 2022 sang)

2	Đầu tư mới 01 máy xúc đào bánh xích (đã qua sử dụng) gồm cả hệ thống phụ trợ vận hành, thi công trên đường sắt.	01 máy	891	Tăng cường năng lực, phục vụ thi công các công trình trong và ngoài ngành.
	Tổng cộng		2.927,83	

5. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023 dự kiến:

- Tổng số lao động kế hoạch: 716 người (trong đó người quản lý chuyên trách: 08 người, người lao động: 708 người).

- Tổng quỹ tiền lương và thu nhập kế hoạch năm 2023 là: 88.470.898.000 đồng, mức thu nhập bình quân toàn công ty dự kiến là: 10.297.000 đồng/người/tháng (trong đó: Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 81.809.393.000 đồng, tiền lương bình quân của người lao động: 9.629.000 đồng/người/tháng).

- Quỹ lương người quản lý chuyên trách: 2.279.945.000 đồng. Trong đó: (Tiền lương Người quản lý chuyên trách đại diện vốn NN: 27.525.000 đồng/người/tháng; Tiền lương Người quản lý chuyên trách không đại diện vốn NN: 22.491.000 đồng/người/tháng; Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 24.000.000 đồng (trong đó: mức thù lao bình quân là: 667.000 đồng/người/tháng).

- Quỹ tiền thưởng, phúc lợi kế hoạch của người lao động: 357.000.000 đồng.

- Quỹ tiền thưởng kế hoạch của người quản lý: 106.500.000 đồng.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng;

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, KHKD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Long

Số: /ĐSHL-HĐQT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, kế hoạch định hướng năm 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022, kế hoạch định hướng năm 2023 như sau:

I. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành những chỉ tiêu kinh doanh với những kết quả cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022.

- Tổng giá trị doanh thu đạt 202,289 tỷ đồng, tăng 4,8% so với kế hoạch và bằng 102,52% so với thực hiện năm 2021. Trong đó:

+ Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS): Thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu đạt 148,921 tỷ đồng, đạt 101,85% so với kế hoạch và bằng 107,76% so với thực hiện năm 2021.

+ Sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Doanh thu đạt 53,367 tỷ đồng, đạt 114,60% so với kế hoạch và bằng 90,27% so với năm 2021.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 đạt 3,175 tỷ đồng, bằng 100,79% so với kế hoạch và tăng 0,95% so với thực hiện năm 2021. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,24%; Tỷ lệ cổ tức /Vốn điều lệ đạt 13,0% bằng 118% so với kế hoạch.

*Tiền lương và thu nhập BQ năm 2022 đạt 9.806.000đ/người/tháng, tăng 8% so với năm 2021.

* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng giảm so với chỉ tiêu do Tổng công ty ĐSVN giao.

* Đảm bảo tuyệt đối ATCT, không để xảy ra sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan gây ra.

* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Những kết quả đạt được trong năm qua có được là nhờ sự chỉ đạo sát sao và sự giúp đỡ hết sức to lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cũng như tinh thần nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu khác của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã chỉ đạo trích lập các Quỹ theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2021 trong quý III năm 2022 với tỷ lệ 11% trên mệnh giá cổ phiếu với tổng số tiền chi trả cổ tức 1,815 tỷ đồng, trong đó:

- + Cổ tức cổ đông phần vốn Nhà nước: 925.650.000 đồng
- + Cổ tức cổ đông đại chúng: 889.350.000 đồng

HĐQT đã triển khai việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính công bố để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 là phù hợp với các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và không có nội dung xuất toán nào trọng yếu.

Tất cả các nhiệm vụ của Nghị quyết đều được HĐQT triển khai nghiêm túc và chỉ đạo thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2022.

1. Đánh giá chung.

Năm 2022, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ TC&HĐ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT công ty đã tổ chức 09 (chín) cuộc họp trong đó có 05 (năm) cuộc họp mở rộng định kỳ hàng quý và đột xuất để thảo luận và ban hành các Nghị quyết về Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD), các định hướng cho công tác chỉ đạo điều hành.

Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD hiệu quả. Ngoài các phiên họp, HĐQT đã thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề về quản trị doanh nghiệp, quản lý giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm, HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết để thông qua các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và định hướng nhiệm vụ SXKD năm 2022;

- Công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự quy hoạch Người đại diện phần vốn, Người quản lý Công ty nhiệm kỳ 2021-2026; Rà soát, điều chỉnh bổ sung nhân sự quy hoạch lao động quản lý Công ty nhiệm kỳ 2021-2026
- Kiện toàn cơ cấu tổ chức và công tác cán bộ tại Chi nhánh XDCT Bắc Giang;
- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2022 và định hướng nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2022;
- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2022, công tác giám sát tài chính và thực hiện kế hoạch SXKD;

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo vì lợi ích của các cổ đông, của người lao động và sự phát triển của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ đã đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động SXKD của công ty, giám sát hoạt động điều hành để tăng cường hiệu quả và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu hoạt động SXKD đã được ĐHĐCĐ giao năm 2022.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc.

Công ty được đặt hàng quản lý, bảo trì khối lượng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) lớn với nhiều đặc thù kỹ thuật phức tạp, nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung...

Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành đạt kết quả: sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng, nỗ lực cùng HĐQT tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty đều là các nhân sự có kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt.

Trong năm 2022, HĐQT đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đảm bảo minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty Đường sắt Việt

Nam đặt hàng và các kế hoạch của Hội đồng quản trị giao. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, qua đó đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm.

III. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023.

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm qua, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Với phương châm “**Đoàn kết - Kỷ cương – An toàn - Hiệu quả**”, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, định hướng các giải pháp và nguồn lực để Ban Điều hành triển khai thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu trọng tâm của năm 2023.

1. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2023.

HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2023 dự kiến trình ĐHĐCĐ như sau:

1	Doanh thu SXKD	207,120	Tỷ đồng
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Sản phẩm công ích</i>	163,495	Tỷ đồng
-	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	43,625	Tỷ. đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	4,048	Tỷ. đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	3,206	Tỷ. đồng
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	19,43	%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	13	%
6	Thu nhập BQ người lao động	10.290.000	đồng/người/tháng

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

- Triển khai thực hiện toàn diện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, trong đó tập trung hoàn thành hiệu quả kế hoạch SXKD năm 2023.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS, hoạt động đảm bảo ATGTĐS trên cơ sở tất cả các tác nghiệp phải được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng quy trình bảo trì KCHTĐS do Bộ GTVT ban hành và các quy định liên quan của Tổng công ty ĐSVN, đảm bảo tuyệt đối ATCT từ nay đến hết năm 2023 và những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh mối quan hệ với đối tác để tăng tỷ trọng doanh thu sản xuất ngoài công ích đảm bảo doanh thu đạt và vượt kế hoạch; chỉ đạo hoàn thành tất cả công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình để giữ vững và phát triển thương hiệu, tạo niềm tin cho đối tác khách hàng.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc phối hợp với Trường Cao đẳng đường sắt để tổ chức đào tạo lại nghiệp vụ cho các chức danh Kỹ thuật viên, Cung trưởng, Cung phó, Tuân đường, Gác chắn và công nhân

duy tu chưa qua đào tạo nghiệp vụ, đặc biệt là người lao động mới tuyển dụng; đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Giám sát việc thực hiện ứng dụng có hiệu quả các đề tài KHCN trong công tác đảm bảo ATCT như: hệ thống giám sát hành trình tuần đường, hệ thống biển đỏ quay liên động, đèn đỏ xoay tại dàn chắn, cần chắn.... Thúc đẩy tiến độ nghiên cứu KHCN các đề tài đã đăng ký, đổi mới sáng tạo trong việc cải tiến trang thiết bị và dụng cụ sản xuất tại hiện trường, từng bước nâng cao tỷ trọng khối lượng tác nghiệp sử dụng máy móc, thiết bị trong bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS.

- Định hướng công tác bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS theo tinh thần phục vụ tốt nhất công tác vận tải đường sắt, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 20/4/2021 của Đảng uỷ Tổng công ty ĐSVN về nâng cao năng lực vận tải đường sắt.

- Tăng cường sự phối hợp với chính quyền và ban ngành các địa phương trong việc thực hiện đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; đường ngang, lối đi tự mở; hành lang ATGTĐS theo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐS ngày 31/12/2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty ĐSVN.

- Giám sát, đôn đốc việc tổ chức xây dựng một số đơn vị hiện trường (Đội, Cung) đạt 100% tiêu chí **“Chính quy - Văn hoá - An toàn”** do Tổng công ty ĐSVN ban hành, đồng thời phát động các phong trào thi đua tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trên tất cả các quy trình quản lý, sản xuất của công ty.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ, chuẩn mực tiên tiến để đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực, tạo ra giá trị phát triển bền vững trong dài hạn của công ty.

Kính chúc các Quý vị cổ đông, các vị đại biểu, khách quý luôn mạnh khỏe và hạnh phúc. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- Đảng uỷ Công ty (để b/c);
- HĐQT, Ban GD, BKS (để th/h);
- Công đoàn, ĐTN (để ph/h);
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đăng Khoa

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPĐS Hà Lạng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPĐS Hà Lạng;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CPĐS Hà Lạng;
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2022.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty trong năm 2022 như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, cụ thể như sau:

- Xem xét việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công.
- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hằng quý đã được Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh ngoài công ích.
- Xem xét báo cáo tài chính hằng quý, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022.
- Xem xét trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Xem xét việc giao, nhận vật tư thu hồi của năm 2021 từ các đơn vị thi công.
- Xem xét tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

- Xem xét việc chi trả tiền lương, thù lao cho người lao động và người quản lý Công ty.

- Giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, cụ thể:

- Đại diện Ban kiểm soát được mời tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, trên cơ sở đó đã kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty và tham gia các ý kiến đối với các vấn đề nêu ra tại cuộc họp.

- Ban kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.

- Trong năm, Ban kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp để thống nhất chỉ đạo và đề ra những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ chức thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022. Hội đồng quản trị cũng đã thực hiện giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, công tác đảm bảo ATGTĐS, công tác quản lý tài chính....nhằm đảm bảo tất cả các công việc được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật, của ngành và của Công ty.

Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Công ty.

4. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, song cùng với Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng đã có những chiến lược, chính sách hợp lý để vượt qua những khó khăn, thách thức nên kết quả về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

4.1. Về sản xuất:

Công ty đã hoàn thành 100% khối lượng bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo hợp đồng với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, đảm bảo tuyệt đối ATCT; công tác thi công các công trình ngoài sản xuất chính cũng được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và được các chủ đầu tư đánh giá cao. Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ được tăng cường.

4.1. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Đã hoàn thành vượt mức kế hoạch chỉ tiêu tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ tương ứng là 104,8% và 100,79% kế hoạch; tỷ lệ chi trả cổ tức đang trình ĐHĐCĐ phê duyệt là 13%, bằng 118% kế hoạch được ĐHĐCĐ giao cho.

4.3. Về hoạt động đầu tư

Năm 2022, Công ty đã thực hiện hoàn thành 2 trong 3 danh mục đầu tư đó là: Mua sắm 03 máy cắt ray và 03 máy khoan ray. Quá trình thực hiện đầu tư, Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, mua sắm tài sản cố định.

Danh mục hoán cải goòng vận tải GM-001 chưa thể thực hiện do phải tiếp tục hoàn thiện các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, trong đó có quy định về đăng ký, đăng kiểm.

4.4. Về hoạt động tài chính

Công ty tiếp tục hợp tác với ngân hàng Công thương Bắc Giang để thu xếp đủ nguồn vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác lập, kiểm toán và công bố báo cáo tài chính được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

4.5. Hoạt động khác.

Công ty tiếp tục rà soát, bố trí, sắp xếp lại lao động đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc. Công tác tuyển dụng, đào tạo cũng được Ban điều hành chú trọng thực hiện. Việc làm, tiền lương, thu nhập và các chế độ bảo hiểm cho người lao động được đảm bảo.

Ban kiểm soát nhận thấy năm 2022, Ban điều hành Công ty đã rất tích cực trong việc chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất kinh, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, qua đó đã mang lại lợi nhuận tăng trưởng và vượt mức kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

5. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022.

Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam. Sau khi rà soát việc trình bày BCTC của Công ty về nội dung và biểu mẫu theo quy định; rà soát số liệu thuyết minh chi tiết với số liệu tổng hợp trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; đối chiếu số liệu tổng hợp được trình bày trong BCTC với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết. Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2022 như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC năm 2022 của Công ty phù hợp với nội dung và biểu mẫu quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh BCTC.

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu trong sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trong BCTC cho thấy các chỉ tiêu trong BCTC được xác lập hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Số liệu đầu kỳ của BCTC năm 2022 khớp đúng với số liệu cuối kỳ của BCTC năm 2021.

- Sau khi thẩm định, Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Với kết quả thẩm định như trên, Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam rằng “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022

6.1. Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch
1	Tổng doanh thu	193.031	202.289	104,80%
	- Sản xuất chính	146.214	148.921	101,85%
	- Ngoài sản xuất chính	46.567	53.368	114,60%
2	Chi phí	189.091	198.280	104,86%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.940	4.009	101,75%
4	Lợi nhuận sau thuế	3.150	3.175	100,79%
5	Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ	19,09%	19,24%	100,79%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	11%	Dự kiến 13%	118%

6.2. Thực hiện các nội dung khác

- Chi trả cổ tức, trích lập các quỹ năm 2021 và chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng năm 2022: Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 Công ty.

- Giữ vững Công lệnh tốc độ và Công lệnh tải trọng do Tổng công ty Đường sắt Việt Nam công bố.

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu xóc lắc trên tuyến đường sắt Hà Nội – Đồng Đăng theo quy định của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu.

7. Kiến nghị

Năm 2022, lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị âm, qua đó cho thấy Công ty còn gặp khó khăn trong việc thu tiền từ bán hàng và cung cấp dịch vụ. Để tránh tình hình bị chiếm dụng vốn gia tăng, Ban kiểm soát kiến nghị Ban điều hành cần có những giải pháp hữu hiệu hơn nữa trong việc thu hồi công nợ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ dòng tiền và chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

8. Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 (*đã hoàn thành*) và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023;
- Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam...;
- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng SXKD ngoài công ích;
- Giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng về kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2022 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Hào

Số: /TTr-ĐSHL

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2022, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng;

Căn cứ Quyết nghị Đại hội cổ đông công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng số 04-22/NQ-ĐHCD.2022 ngày 15/4/2022;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- CN phía Bắc.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau :

1. Báo cáo tài chính năm 2022 :

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2022 đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – CN phía bắc kiểm toán, lập và phát hành ngày 23 tháng 02 năm 2023 bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. (Bản Báo cáo tài chính đã được đăng trên trang Website của công ty).

2. Phân phối lợi nhuận năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.175.290.088
1	Chia cổ tức bằng tiền (dự kiến chi trả trong Q2/2023)=67,55% LNST	(VĐLx13%	2.145.000.000
	Trong đó:		
	Cổ tức phần vốn Nhà nước	51%	1.093.950.000

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Cổ tức cổ đông đại chúng	49%	1.051.050.000
	Lợi nhuận còn lại	LNST – (1)	1.030.290.088
2	Trích quỹ đầu tư, phát triển	LNST x 6,31%	200.000.000
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 22,79%	723.790.088
4	Trích quỹ thưởng người quản lý	LNST x 3,35%	106.500.000

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.206.000.000
1	Chia cổ tức (13%/Vốn điều lệ)	LNST x 66,91%	2.145.000.000
2	Trích quỹ đầu tư, phát triển	LNST x 6,24%	200.000.000
3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	LNST x 23,53%	754.500.000
4	Trích quỹ thưởng người quản lý	LNST x 3,32%	106.500.000

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ: 16.500.000.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 1.650.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Mã chứng khoán: HLR

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Thuyết	Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trịnh Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Long	Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc
Ông Trần Đức Ngọc	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Long - Giám đốc.

3. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

4. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

5. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

6. Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



Nguyễn Quang Long

Giám đốc

Bắc Giang, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 088/2023/BCKT-PB.00124

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 02 năm 2023, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi cần lưu ý người đọc đến thuyết minh 7.6 trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính". Ngày 08/02/2023 Công ty đã lập hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính Phủ, kèm theo các Hợp đồng thuê đất số 314/HĐTĐ ngày 27/3/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang – Sở Tài nguyên và Môi trường; Hợp đồng thuê đất số 83/HĐ-TĐ ngày 22/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường và Hợp đồng thuê đất số 402/HĐ-TĐ ngày 26/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời của cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Vì vậy, Báo cáo tài chính được lập ngày 23/02/2022 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg (nếu có).



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 2478-2023-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN		Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
				31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		86.918.649.619	75.234.202.633
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	5.1	4.303.197.629	1.318.058.943
1. Tiền		111		4.303.197.629	1.318.058.943
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		79.495.703.482	59.801.407.043
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	5.2	78.842.105.462	54.724.066.197
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	5.4	858.788.279	1.055.258.110
3. Phải thu ngắn hạn khác		136	5.5	7.077.537.615	10.614.829.174
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	5.3	(7.282.727.874)	(6.592.746.438)
IV. Hàng tồn kho		140	5.6	3.119.748.508	14.063.598.076
1. Hàng tồn kho		141		3.119.748.508	14.063.598.076
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		-	51.138.571
1. Thuế GTGT được khấu trừ		152		-	51.138.571
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200		9.077.028.441	10.615.119.886
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		7.193.842.131	8.200.853.652
1. Tài sản cố định hữu hình		221	5.8	7.082.375.464	8.200.853.652
- Nguyên giá		222		28.112.641.038	27.836.141.038
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(21.030.265.574)	(19.635.287.386)
2. Tài sản cố định vô hình		227		111.466.667	-
- Nguyên giá		228	5.9	121.600.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(10.133.333)	-
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		1.883.186.310	2.414.266.234
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	5.7	1.883.186.310	2.414.266.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		95.995.678.060	85.849.322.519

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

			Đơn vị tính: VND	
NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		74.214.406.972	64.598.191.711
I. Nợ ngắn hạn	310		74.214.406.972	64.598.191.711
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	39.087.466.333	36.530.974.932
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	405.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	6.227.869.197	5.696.321.384
4. Phải trả người lao động	314		13.993.992.561	12.582.652.716
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	11.550.602	532.627.148
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	3.009.526.648	2.519.361.274
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	11.490.365.506	6.086.614.500
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		393.636.125	244.639.757
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.15	21.781.271.088	21.251.130.808
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.781.271.088	21.251.130.808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.105.981.000	1.605.981.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.175.290.088	3.145.149.808
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.175.290.088	3.145.149.808
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.995.678.060	85.849.322.519

Người lập biểu

Đào Thị Minh Hương

Bắc Giang, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Trọng Phương



Giám đốc

Nguyễn Quang Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

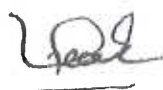
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 02 - DN

Chi tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	202.289.585.678	197.000.575.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		202.289.585.678	197.000.575.650
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	178.161.076.919	172.209.957.102
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		24.128.508.759	24.790.618.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	349.578.812	279.384.756
7. Chi phí tài chính	22	6.4	99.041.611	140.308.828
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		99.041.611	140.308.828
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.371.680.978	20.770.068.372
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		4.007.364.982	4.159.626.104
11. Thu nhập khác	31	6.6	220.952.380	38.194.181
12. Chi phí khác	32	6.7	219.043.887	96.993.113
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.908.493	(58.798.932)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.009.273.475	4.100.827.172
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	833.983.387	955.677.364
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.175.290.088	3.145.149.808
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.466	1.403
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.466	1.403



Người lập biểu

Đào Thị Minh Hương

Bắc Giang, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023



Kế toán trưởng

Phạm Trọng Phương



Giám đốc

Nguyễn Quang Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 03 - DN

Chi tiêu		Mã số	Năm 2022	Đơn vị tính: VND Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	194.100.089.882	211.167.994.323
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(90.171.919.816)	(108.363.400.719)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(77.388.831.155)	(74.331.111.041)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(90.058.157)	(144.742.034)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05	(845.677.364)	(830.555.994)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.479.938.209	8.341.296.182
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.780.991.802)	(30.898.511.044)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(697.450.203)	4.940.969.673
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(312.000.000)	(1.684.016.000)
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.000.000.000)	(48.237.692.839)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	25.000.000.000	48.237.692.839
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	348.226.575	279.384.756
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.226.575	(1.404.631.244)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	30.230.286.981	41.737.703.256
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.826.535.975)	(43.946.341.137)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.757.388.692)	(1.688.363.612)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.646.362.314	(3.897.001.493)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.985.138.686	(360.663.064)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.318.058.943	1.678.722.007
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.303.197.629	1.318.058.943

Người lập biểu

Đào Thị Minh Hương

Bắc Giang, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Trọng Phương

Giám đốc

Nguyễn Quang Long



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 5 là 16.500.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 28/11/2016 với mã chứng khoán là HLR, số lượng cổ phiếu là 1.650.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy.

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang	Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.7 Nhân viên

Số lao động bình quân trong năm 2022 là 705 người, năm 2021 là 719 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;

THUYẾT MINH BAO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	605.026.625	454.697.453
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.698.171.004	863.361.490
Cộng	4.303.197.629	1.318.058.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	57.410.106.763	-	32.228.606.237	-
Công ty CP Đường sắt Vinh Phú	1.211.000.000	-	-	-
Công ty CP Đường sắt Hà Thái	117.701.553	-	263.405.406	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	56.081.405.210	-	31.708.379.782	-
Công ty CP đường sắt Hà Hải	-	-	256.821.049	-
Các bên khác	21.431.998.699	(7.282.727.874)	22.495.459.960	(6.592.746.438)
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Nam	1.739.940.087	-	4.497.370.722	-
Ban Quản lý dự án Đường sắt	6.296.634.678	-	3.879.343.725	-
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	(3.089.596.800)	3.089.596.800	(3.089.596.800)
Các khoản phải thu khách hàng khác	10.305.827.134	(4.193.131.074)	11.029.148.713	(3.503.149.638)
Cộng	78.842.105.462	(7.282.727.874)	54.724.066.197	(6.592.746.438)

5.3 Nợ xấu

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
UBND Thành phố Bắc Giang	149.727.115	149.727.115	149.727.115	149.727.115
Công ty TNHH Hướng Tâm	119.167.000	119.167.000	119.167.000	119.167.000
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	1.925.413.000	1.925.413.000	1.925.413.000
Công ty TNHH Vận tải Việt Thanh	368.838.000	368.838.000	368.838.000	368.838.000
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	3.089.596.800	3.089.596.800	3.089.596.800
Công ty cổ phần HTV - Xây dựng và Thương mại	79.683.000	79.683.000	79.683.000	79.683.000
Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển đô thị IDC	204.742.000	204.742.000	204.742.000	204.742.000
Công ty CP công trình cơ giới 798	104.059.000	104.059.000	104.059.000	72.841.300
Công ty CP BOT Phả Lại	1.505.574.763	1.053.902.334	1.505.574.763	582.738.223
Công ty Nam Hồng - TNHH	285.199.250	142.599.625	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và dịch vụ thương mại Việt - Tiền Phương	150.000.000	45.000.000	-	-
Cộng	7.981.999.928	7.282.727.874	7.546.800.678	6.592.746.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Số dư đầu năm	6.592.746.438	4.729.905.375
Trích lập trong năm	689.981.436	1.862.841.063
Số dư cuối năm	7.282.727.874	6.592.746.438

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	61.632.144	-	633.458.810	-
Công ty CP đường Sắt Sài Gòn	-	-	633.458.810	-
Công ty CP Xe Lửa Gia Lâm	61.632.144	-	-	-
Các bên khác	797.156.135	-	421.799.300	-
Công ty CP xây dựng và kinh doanh TM Long Phát	-	-	360.999.300	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	797.156.135	-	60.800.000	-
Cộng	858.788.279	-	1.055.258.110	-

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	901.859.400	-	901.859.400	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
Các bên khác	6.175.678.215	-	9.712.969.774	-
Cầm cố, ký quỹ	1.270.516.254	-	3.974.528.269	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	1.516.433.000	-	3.195.577.600	-
Phải thu chi phí bảo quản trông coi VTTH	161.184.959	-	141.363.932	-
Phải thu bảo hiểm của người lao động	385.379.072	-	359.605.773	-
Phải thu Đỗ Tuấn Anh	515.799.800	-	1.229.223.559	-
Phải thu khác	2.326.365.130	-	812.670.641	-
Cộng	7.077.537.615	-	10.614.829.174	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.333.403.543	-	2.003.799.127	-
Công cụ, dụng cụ	69.186.048	-	98.299.378	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	717.158.917	-	11.961.499.571	-
Cộng	3.119.748.508	-	14.063.598.076	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Gói số 21: Nâng cấp, cải tạo ĐS km 1619-km 1688 (Đồng Nai)	528.542.410	11.026.000.000
Các dự án khác	188.616.507	935.499.571
Cộng	717.158.917	11.961.499.571

5.7 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Lợi thế kinh doanh	696.360.575	928.480.767
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.186.825.735	1.485.785.467
Cộng	1.883.186.310	2.414.266.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hân, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.3 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2022	15.633.720.963	6.770.229.883	4.954.610.963	441.039.229	36.540.000	27.836.141.038
Mua trong năm	-	312.000.000	-	-	-	312.000.000
Giảm khác	-	-	-	(35.500.000)	-	(35.500.000)
Số dư tại 31/12/2022	15.633.720.963	7.082.229.883	4.954.610.963	405.539.229	36.540.000	28.112.641.038
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư tại 01/01/2022	10.771.851.130	4.702.567.901	3.683.289.126	441.039.229	36.540.000	19.635.287.386
Khấu hao trong năm	564.486.548	553.352.892	312.638.748	-	-	1.430.478.188
Giảm khác	-	-	-	(35.500.000)	-	(35.500.000)
Số dư tại 31/12/2022	11.336.337.678	5.255.920.793	3.995.927.874	405.539.229	36.540.000	21.030.265.574
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 01/01/2022	4.861.869.833	2.067.661.982	1.271.321.837	-	-	8.200.853.652
Số dư tại 31/12/2022	4.297.383.285	1.826.309.090	958.683.089	-	-	7.082.375.464

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là 6.647.138.772 VND, tại 01/01/2022 là 6.173.190.368 VND;

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2022 là 3.762.282.233 VND, tại 01/01/2022 là 4.861.869.833 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	-	-
Mua trong năm	121.600.000	121.600.000
Số dư tại 31/12/2022	121.600.000	121.600.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Số dư tại 01/01/2022	-	-
Khấu hao trong năm	10.133.333	10.133.333
Số dư tại 31/12/2022	10.133.333	10.133.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2022	-	-
Số dư tại 31/12/2022	111.466.667	111.466.667

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	4.192.941.775	4.192.941.775	2.558.621.570	2.558.621.570
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	418.154.994	418.154.994	1.823.502.935	1.823.502.935
Công ty CP Đá Đồng Mỏ	769.623.997	769.623.997	226.430.370	226.430.370
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	254.763.360	254.763.360	49.660.840	49.660.840
Trường Cao đẳng Đường sắt	123.840.000	123.840.000	431.000.000	431.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty ĐSVN - XN Đầu máy Yên Viên	359.065.623	359.065.623	28.027.425	28.027.425
Công ty CP đường sắt Sài Gòn	2.132.093.801	2.132.093.801	-	-
Trung tâm y tế đường sắt	135.400.000	135.400.000	-	-
Các bên khác	34.894.524.558	34.894.524.558	33.972.353.362	33.972.353.362
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	7.776.034.352	7.776.034.352	5.821.701.136	5.821.701.136
Công ty CP thiết bị và vật tư TH Việt Nam	3.320.974.820	3.320.974.820	3.788.110.467	3.788.110.467
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	5.357.936.000	5.357.936.000	8.196.896.400	8.196.896.400
Công ty CP xây lắp và cơ khí Cầu Đường	4.646.870.625	4.646.870.625	772.521.750	772.521.750
Công ty TNHH Vật tư đường sắt Nghệ Tĩnh	2.356.366.572	2.356.366.572	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	11.436.342.189	11.436.342.189	15.393.123.609	15.393.123.609
Cộng	39.087.466.333	39.087.466.333	36.530.974.932	36.530.974.932

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí lãi vay	11.550.602	2.567.148
Chi phí thi công phải trả	-	530.060.000
Cộng	11.550.602	532.627.148

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các bên liên quan	992.045.338	992.045.338	992.045.338	992.045.338
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	992.045.338	992.045.338	992.045.338	992.045.338
Các bên khác	2.017.481.310	2.017.481.310	1.527.315.936	1.527.315.936
Phải trả giá trị vật tư thu hồi	1.202.966.691	1.202.966.691	1.202.966.691	1.202.966.691
Phải trả tiền cổ tức	332.920.390	332.920.390	272.715.362	272.715.362
Phải trả khác	204.629.689	204.629.689	51.633.883	51.633.883
Cộng	3.009.526.648	3.009.526.648	2.519.361.274	2.519.361.274

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	6.032.660.675	8.269.155.049	8.813.840.779	-	5.487.974.945
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	193.983.387	845.677.364	833.983.387	-	205.677.364
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.225.135	97.516.501	96.072.561	-	2.669.075
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	364.556.900	364.556.900	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	-	6.227.869.197	9.579.905.814	10.111.453.627	-	5.696.321.384

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bắc Giang (i)	11.490.365.506	11.490.365.506	30.230.286.981	24.826.535.975	6.086.614.500	6.086.614.500
Cộng	11.490.365.506	11.490.365.506	30.230.286.981	24.826.535.975	6.086.614.500	6.086.614.500

(i) Hợp đồng vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT280-ĐSHL tháng 6 năm 2022:

- Hạn mức khoản vay 25.000.000.000 VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15/06/2023;
- Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ dân dụng, công nghiệp;
- Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2019/HĐBBĐ/NHCT280-ĐSHL ngày 23/8/2019 Địa chỉ: Số 6, Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2021	16.500.000.000	1.104.000.000	3.042.310.270	20.646.310.270
Lãi trong năm trước	-	-	3.145.149.808	3.145.149.808
Phân phối lợi nhuận (i)	-	501.981.000	(3.042.310.270)	(2.540.329.270)
Số dư tại 31/12/2021	16.500.000.000	1.605.981.000	3.145.149.808	21.251.130.808
Số dư tại 01/01/2022	16.500.000.000	1.605.981.000	3.145.149.808	21.251.130.808
Lãi trong năm nay	-	-	3.175.290.088	3.175.290.088
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	500.000.000	(3.145.149.808)	(2.645.149.808)
Số dư tại 31/12/2022	16.500.000.000	2.105.981.000	3.175.290.088	21.781.271.088

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 05-21/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 26/04/2021:

	Năm 2020 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	501.981.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	618.849.270
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	106.480.000
Chia cổ tức	1.815.000.000
Tổng	3.042.310.270

- (ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết số 04-22/NQ-ĐHĐCĐ.2022 ngày 15/04/2022:

	Năm 2021 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	500.000.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	830.149.808
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-
Chia cổ tức	1.815.000.000
Tổng	3.145.149.808

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022			01/01/2022		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	841.500	8.415.000.000	51 %	841.500	8.415.000.000	51 %
Các cổ đông khác	808.500	8.085.000.000	49 %	808.500	8.085.000.000	49 %
Cộng	1.650.000	16.500.000.000	100 %	1.650.000	16.500.000.000	100 %

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Vốn góp cuối năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.815.000.000	1.815.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu hoạt động Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt	148.921.956.481	138.195.620.909
Doanh thu hoạt động khác	53.367.629.197	58.804.954.741
Cộng	202.289.585.678	197.000.575.650

6.1.2 Doanh thu bên liên quan

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ban Quản lý dự án Đường sắt	22.443.950.340	979.584.899
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	108.982.919	239.459.460
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	172.486.545.147	138.195.620.909
Công ty CP thông tin tín hiệu đường sắt Bắc Giang	879.731.902	-
Công ty cổ phần đường sắt Vĩnh Phú	1.121.296.296	-
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	-	233.473.681
Chi nhánh Tổng công ty Đường sắt Việt Nam - Khai thác đường sắt Hà Lạng	28.854.329	-
Cộng	197.040.506.604	139.648.138.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn hoạt động Bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng Đường sắt	126.670.096.067	119.015.306.347
Giá vốn hoạt động khác	51.490.980.852	53.194.650.755
Cộng	178.161.076.919	172.209.957.102

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	349.578.812	279.384.756
	349.578.812	279.384.756

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	99.041.611	140.308.828
Cộng	99.041.611	140.308.828

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.270.946.000	11.042.602.276
Chi phí khấu hao TSCĐ	322.772.081	355.715.541
Chi phí dự phòng	689.981.436	1.862.841.063
Các khoản khác	9.087.981.461	7.508.909.492
Cộng	20.371.680.978	20.770.068.372

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Kinh doanh nhà lưu trú	53.333.332	30.418.181
Các khoản khác	167.619.048	7.776.000
Cộng	220.952.380	38.194.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.7 Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí cảnh giới đường ngang	-	7.776.000
Chi phí cho thuê nhà lưu trú	-	30.250.000
Kinh phí không được quyết toán NSNN	42.142.231	-
Các khoản khác	176.901.656	58.967.113
Cộng	219.043.887	96.993.113

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.009.273.475	4.100.827.172
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	160.643.458	677.559.649
Các khoản điều chỉnh tăng	160.643.458	677.559.649
Các khoản chi phí không được trừ	160.643.458	677.559.649
Thu nhập tính thuế TNDN	4.169.916.933	4.778.386.821
Thuế suất thuế TNDN	20 %	20 %
Thuế TNDN	833.983.387	955.677.364
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	833.983.387	955.677.364

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.175.290.088	3.145.149.808
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.175.290.088	3.145.149.808
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(756.000.000)	(830.149.808)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.466	1.403
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.466	1.403

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết số 04-22/NQ-ĐHĐCĐ.2022 tại phiên họp thường niên năm 2022 ngày 15/04/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.039.956.100	66.448.086.148
Chi phí nhân công	98.067.550.101	89.648.822.047
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.440.611.521	1.521.808.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.256.155.984	23.499.777.742
Chi phí khác bằng tiền	5.486.930.570	9.010.929.391
Cộng	187.291.204.276	190.129.423.893

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh**

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

7.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

7.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Hà Thái	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đá Đồng Mỏ	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Công ty con của Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Ga Đồng Đăng	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty

7.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

			Năm 2022		Năm 2021	
			Thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND
Hội đồng quản trị			564.819.000	-	851.073.000	51.577.000
Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch		309.457.000	-	315.151.000	19.498.000
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên		-	-	282.249.000	8.934.000
Ông Nguyễn Trọng Thuyết	Thành viên		255.362.000	-	253.673.000	8.527.000
Ông Trần Phú Hiệp	Thành viên		-	-	-	8.934.000
Nguyễn Văn Trọng	Thành viên		-	-	-	5.684.000
Ban kiểm soát			259.765.000	-	257.216.000	17.053.000
Ông Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban		248.265.000	-	240.026.000	17.053.000
Bà Hoàng Thị Tuyết	Thành viên		-	-	4.000.000	-
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên		-	-	4.000.000	-
Bà Trịnh Diệu Linh	Thành viên		6.000.000	-	8.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên		5.500.000	-	1.190.000	-
Ban giám đốc và kế toán trưởng			1.259.214.000	-	867.297.000	37.850.000
Ông Nguyễn Quang Long	Giám đốc		298.179.000	-	-	-
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc		248.465.000	-	246.766.000	17.053.000
Ông Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc		248.565.000	-	244.198.000	15.598.000
Ông Trần Đức Ngọc	Phó Giám đốc		246.836.000	-	152.841.000	-
Ông Hà Huy Tâm	Kế toán trưởng		-	-	-	5.199.000
Ông Phạm Trọng Phương	Kế toán trưởng		217.169.000	-	223.492.000	-
Tổng cộng			2.083.798.000	-	1.975.586.000	106.480.000

7.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Nhận tiền thanh toán công nợ	161.138.332.879	158.344.149.080
Chi phí thuê nhà, máy móc thiết bị	386.674.624	2.867.204.386
Thanh toán tiền thuê nhà, máy móc thiết bị	1.823.502.935	3.292.581.841
Bù trừ công nợ với Tổng công ty	7.000.000	27.033.600
Bồi thường chậm tàu	-	18.480.000
Trả cổ tức	925.650.000	925.650.000
Trung tâm y tế đường sắt		
Sử dụng dịch vụ khám sức khỏe	135.400.000	126.800.000
Thanh toán kinh phí khám sức khỏe	135.400.000	126.800.000
Ban quản lý dự án Đường sắt		
Nhận tiền thanh toán công nợ	22.798.328.062	6.455.009.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội		
Thanh toán công nợ phải trả	2.446.009.120	2.041.818.800
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	2.450.633.000	2.152.582.300
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội - CN Toa xe hàng		
Thanh toán công nợ	-	74.900.000
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	-	70.000.000
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm		
Thuê gia công	163.951.944	77.288.000
Mua vật tư	-	15.730.000
Thanh toán công nợ	163.951.944	-
Công ty CP Đường sắt Hà Thái		
Nhận tiền thanh toán công nợ	263.405.406	256.821.049
Công ty CP đá Đồng Mỏ		
Mua vật tư	1.834.738.843	1.114.936.700
Thanh toán tiền vật tư	1.475.019.113	2.079.634.500
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
Nhận tiền thanh toán công nợ	256.821.049	256.821.049
Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên		
Thuê kiểm tra cầu đường bằng máy EM 120	-	25.479.477
Thanh toán công nợ	387.093.049	28.027.425
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt		
Sử dụng dịch vụ đào tạo	-	431.000.000
Thanh toán công nợ	-	253.325.000

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.

7.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

7.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu:

TT	Khoản mục	Mã số	Số dư tại BCKiT năm 2021	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.463	1.403	(60)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.463	1.403	(60)

7.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 09 - DN

7.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 08/02/2023 Công ty đã lập hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính Phủ, kèm theo các Hợp đồng thuê đất số 314/HĐĐĐ ngày 27/3/2012 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang – Sở Tài nguyên và Môi trường; Hợp đồng thuê đất số 83/HĐ-ĐĐ ngày 22/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường và hợp đồng thuê đất số 402/HĐ-ĐĐ ngày 26/07/2016 giữa Công ty và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh – Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời của cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Vì vậy, Báo cáo tài chính được lập ngày 23/02/2022 chưa bao gồm việc điều chỉnh giảm chi phí tiền thuê đất được giảm theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg (nếu có).

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.

Người lập biểu

Đào Thị Minh Hường

Bắc Giang, Việt Nam

Ngày 23 tháng 02 năm 2023

Kế toán trưởng

Phạm Trọng Phương



Giám đốc

Nguyễn Quang Long

Số: -23/NQ-ĐHĐCĐ.2023

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

DỰ THẢO

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021;

Căn cứ công văn số /ĐS-KTKT ngày / /2023 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam về việc tham gia ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;

Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng ngày /4/2022 đã được Đại hội thống nhất thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng năm 2023 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Giám đốc số: /ĐSHL-KHKD ngày / /2023.
3. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng Quản trị số: /ĐSHL-HĐQT ngày / /2023;
4. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát số: /ĐSHL-BKS ngày / /2023;

5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc;

6. Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền: ($V\Delta L \times 13,0\%$) là: 2.145.000.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước	(51%):	1.093.950.000 đồng
+ Cổ tức cổ đông đại chúng	(49%):	1.051.050.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến: trong quý III/2023; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức;

7. Thông qua phương án trích lập các Quỹ năm 2022, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư, phát triển: 200.000.000 đồng;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 723.970.088 đồng;
- Quỹ Người quản lý doanh nghiệp: 106.500.000 đồng.

8. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ % so với TH 2022
1	Doanh Thu	202.289	207.120	102,39%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản xuất chính	148.921	163.495	109,79%
	- Sản xuất kinh doanh khác	53.367	43.625	81,75%
2	Chi phí	198.280	203.072	102,42%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.009	4.048	100,97%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.175	3.206	100,98%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	19,24%	19,43%	100,98%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	13%	13%	100%

9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2023 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.206.000.000
1	Chia cổ tức (13%/Vốn điều lệ)	LNST x 66,91%	2.145.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 6,24%	200.000.000

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	$LNST \times 23,53\%$	754.500.000
4	Quỹ người quản lý công ty	$LNST \times 3,32\%$	106.500.000

10. Thông qua Kế hoạch đầu tư (Sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Tiếp tục thực hiện dự án Hoán cải goòng vận tải Mr-001 thành goòng cầu tự hành (Thay động cơ và lắp đặt mới hệ thống cầu tự hành 5 tấn và đóng mới 01 toa xe goòng)	01 bộ	1.946,83	Tăng năng lực vận chuyển vật tư, phụ kiện trên tuyến ĐS
2	Đầu tư 01 Máy xúc đào bánh xích (đã qua sử dụng) bao gồm hệ thống vận hành trên đường sắt khổ 1000mm		891	Tăng năng lực tham gia đấu thầu và thi công các công trình ngoài công ích
	Tổng cộng		2.927,83	

11. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2023.

11.1. Kế hoạch lao động:

Tổng số lao động của Công ty: 716 người;

Trong đó:

Lãnh đạo, viên chức quản lý: 8 người;

Lao động chuyên môn, nghiệp vụ: 51 người;

Lao động trực tiếp SXKD: 626 người;

Lao động thừa hành, phục vụ: 31 người;

11.2. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2023:

Tổng quỹ lương và thu nhập kế hoạch năm 2023 là: 88.470.898.000 đồng;
mức thu nhập bình quân toàn công ty dự kiến là: 10.297.000 đồng/người/tháng.

Trong đó:

a/ Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách và bộ máy gián tiếp:

- Quỹ lương người quản lý:	2.279.945.000 đồng;
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách:	24.000.000 đồng;
- Quỹ lương bộ máy gián tiếp:	8.307.000.000 đồng;
- Ăn giữa ca gián tiếp và người quản lý:	300.200.000 đồng;
Tổng cộng :	10.911.145.000 đồng.

b/ Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp (dự kiến): **71.423.000.000 đồng.**

Trong đó: + Tiền lương: 67.723.000.000 đồng;

+ Ăn giữa ca: 3.700.000.000 đồng;

c/ Tiền lương ngoài công ích, thu nhập khác: 6.136.753.000 đồng.

Tổng cộng quỹ lương và thu nhập năm 2023: 88.470.898.000 đồng.

12. Thông qua một số nội dung khác.

TT	Nội dung tham gia	Đơn vị tính	Ý kiến của Người đại diện	Tỷ lệ so với TH năm 2022
1	Doanh thu SXKD	Tr. đồng	207.120	102,39%
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Sản phẩm công ích</i>	<i>Tr. đồng</i>	163.495	109,79%
-	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	<i>Tr. đồng</i>	43.625	81,75%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	4.048	100,97%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.206	100,98%
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	19,43%	100,98%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	13%	100%
6	Thu nhập BQ người lao động	Tr. đồng	10,29	105%
7	Chia cổ tức năm 2022 (13%/VĐL)	Tr. đồng	2.145	118% KH
8	Quỹ lương + thù lao Người QLDN năm 2023.	Tr. đồng	2.303	105%
9	Quỹ thưởng Người QLDN/Lợi nhuận năm 2023	Tr. đồng	106,5	
10	Kế hoạch đầu tư: (02 dự án, trong đó có 01 dự án chuyển tiếp từ năm 2022)	Tr. đồng	2.927,83	
11	Một số chỉ tiêu khác:			
-	Công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng;	Giữ vững Công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng do Tổng công ty ĐSVN công bố		
-	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2021;	Dưới mức chỉ tiêu do Tổng công ty ĐSVN giao năm 2023.		

TT	Nội dung tham gia	Đơn vị tính	Ý kiến của Người đại diện	Tỷ lệ so với TH năm 2022
-	Tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;	Tuyệt đối không để xảy ra		
-	Tai nạn, sự cố GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không để xảy ra.		
12	Kế hoạch lao động, tiền lương	Chi tiết theo văn bản số ... ngày ... của Tổng công ty ĐSVN		
13	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023	Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính		
14	Việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty ĐSVN (về BDTX và thi công công trình SCĐK) và Công ty Cổ phần Đá Đồng Mỏ (mua bán hàng hóa)	Ủy quyền cho HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 biểu quyết chấp thuận		

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Tổng công ty ĐSVN, ĐU Công ty (b/c);
- HĐQT, Ban GD, Ban Kiểm soát;
- CĐ, ĐTN;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Hoàng Đăng Khoa

Mẫu thẻ Biểu quyết:



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2023**

**THẺ BIỂU QUYẾT
TÁN THÀNH**

Tên cổ đông/Đại diện được ủy Quyền:.....

Mã số cổ đông:.....

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền:..... CP



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2023**

**THẺ BIỂU QUYẾT
KHÔNG TÁN THÀNH**

Tên cổ đông/Đại diện được ủy Quyền:.....

Mã số cổ đông:.....

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền:..... CP